

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2010/QĐ-KTNN

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế kiểm soát chất lượng kiểm toán****TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 916/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 15/9/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Kiểm toán Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 02/2008/QĐ-KTNN ngày 15/02/2008 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy chế soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Kiểm toán Nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Vụ trưởng Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế kiểm soát chất lượng kiểm toán.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**Vương Đình Huệ**

QUY CHẾ**Kiểm soát chất lượng kiểm toán**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2010/QĐ-KTNN ngày 02/6/2010 của Tổng Kiểm toán Nhà nước)

Chương 1**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định phạm vi, đối tượng, nội dung, hình thức và quy trình kiểm soát chất lượng kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước do Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán thực hiện; quy định về tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng kiểm toán; quy định trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị, cá nhân liên quan đến hoạt động kiểm soát chất lượng kiểm toán và việc xử lý những hạn chế, sai phạm phát hiện trong hoạt động kiểm soát chất lượng kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán (sau đây gọi là Vụ Chế độ);
2. Đoàn kiểm soát chất lượng kiểm toán (sau đây gọi là Đoàn kiểm soát);
3. Đoàn kiểm toán nhà nước (sau đây gọi là Đoàn kiểm toán);
4. Đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán (gồm các Kiểm toán Nhà nước khu vực, Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành hoặc Vụ chức năng).

Điều 3. Mục đích kiểm soát chất lượng kiểm toán

Hoạt động kiểm soát chất lượng kiểm toán nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật; tuân thủ Hệ thống chuẩn mực Kiểm toán Nhà nước và các quy trình, thủ tục kiểm toán; vận dụng thích hợp các phương pháp chuyên môn nghiệp vụ kiểm toán, góp phần giảm thiểu rủi ro kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất lượng cuộc kiểm toán phản ánh mức độ thực hiện các mục tiêu kiểm toán, mức độ tuân thủ pháp luật, tuân thủ Chuẩn mực, Quy trình kiểm toán và vận dụng phù hợp các phương pháp chuyên môn nghiệp vụ kiểm toán nhằm đáp ứng yêu cầu về tính đúng đắn, trung thực, khách quan, kịp thời của kết quả và kết luận kiểm toán, đảm bảo cơ sở pháp lý và tính khả thi của các kiến nghị kiểm toán.

2. Kiểm soát chất lượng kiểm toán (sau đây gọi là kiểm soát) là hoạt động kiểm tra, đánh giá, tư vấn độc lập đối với các cuộc kiểm toán do Vụ Chế độ và Đoàn kiểm soát thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng cuộc kiểm toán; hạn chế, khắc phục các sai phạm, yếu kém trong hoạt động kiểm toán.

3. Tiêu chí đánh giá chất lượng kiểm toán là quy định về những đặc trưng về chất lượng của hoạt động kiểm toán làm cơ sở cho việc đánh giá chất lượng các cuộc kiểm toán.

4. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng kiểm toán là quy định về các mức độ chất lượng của hoạt động kiểm toán (đánh giá định tính hoặc định lượng) theo các tiêu chí đánh giá chất lượng kiểm toán để phân loại, xếp hạng chất lượng các cuộc kiểm toán.

Điều 5. Đối tượng, phạm vi, nội dung kiểm soát chất lượng kiểm toán

1. Đối tượng kiểm soát là hoạt động tổ chức và thực hiện các giai đoạn của quy trình kiểm toán.

2. Phạm vi kiểm soát được giới hạn trong hoạt động của đơn vị chủ trì kiểm toán, Đoàn kiểm toán và trong hoạt động của cuộc kiểm toán.

3. Nội dung kiểm soát gồm:

- a) Giai đoạn Chuẩn bị kiểm toán;
- b) Giai đoạn Thực hiện kiểm toán;
- c) Giai đoạn Lập và gửi báo cáo kiểm toán;

4. Nội dung kiểm soát giai đoạn Kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán do các đơn vị chủ trì kiểm toán thực hiện, không quy định trong Quy chế này.

5. Nội dung kiểm soát của mỗi cuộc kiểm soát thực hiện theo quyết định kế hoạch kiểm soát năm và kế hoạch kiểm soát đột xuất của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động kiểm soát chất lượng kiểm toán

1. Tuân thủ pháp luật và các quy định của Kiểm toán Nhà nước;
2. Độc lập, trung thực, khách quan;
3. Kết luận và kiến nghị kiểm soát phải được thi hành theo kết luận của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Điều 7. Tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng kiểm toán

1. Hệ thống tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng kiểm toán được xây dựng để đánh giá các công việc của một cuộc kiểm toán phù hợp với các quy định của

pháp luật, Chuẩn mực kiểm toán nhà nước, quy trình kiểm toán và các quy định khác của Kiểm toán Nhà nước.

2. Các tiêu chí chung đánh giá chất lượng kiểm toán gồm:

- a) Mức độ thực hiện các mục tiêu của cuộc kiểm toán;
- b) Mức độ tuân thủ pháp luật và các quy định, kế hoạch, chương trình kiểm toán;
- c) Mức độ hợp lý của việc áp dụng các phương pháp kiểm toán;
- d) Mức độ đầy đủ, hợp pháp, thích hợp của các tài liệu, bằng chứng kiểm toán;
- đ) Mức độ thực hiện việc quản lý và kiểm tra, soát xét kiểm toán;
- e) Mức độ thực hiện việc ghi chép và quản lý tài liệu làm việc thuộc hồ sơ kiểm toán.

3. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng kiểm toán gồm: các tiêu chuẩn định tính và các tiêu chuẩn định lượng, được xác định theo từng tiêu chí đánh giá chất lượng kiểm toán và đối với từng hoạt động kiểm toán.

4. Hệ thống tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng kiểm toán thực hiện theo quy định của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 8. Hình thức kiểm soát chất lượng kiểm toán

1. Kiểm soát trực tiếp là việc kiểm soát được thực hiện tại Đoàn kiểm toán. Hình thức kiểm soát trực tiếp chỉ được thực hiện đối với các cuộc kiểm soát đột xuất và đối với giai đoạn Thực hiện kiểm toán.

2. Kiểm soát gián tiếp là việc kiểm soát được thực hiện thông qua kiểm tra hồ sơ kiểm toán. Hình thức kiểm soát gián tiếp thực hiện đối với các cuộc kiểm soát thuộc kế hoạch kiểm soát năm, các cuộc kiểm soát đột xuất.

Điều 9. Tổ chức và thủ tục kiểm soát chất lượng kiểm toán

1. Cuộc kiểm soát trực tiếp do Đoàn kiểm soát thực hiện theo kế hoạch được Tổng Kiểm toán Nhà nước phê duyệt.

2. Cuộc kiểm soát gián tiếp do Vụ Chế độ thực hiện theo kế hoạch được Vụ trưởng phê duyệt.

3. Thủ tục kiểm soát thực hiện theo quy định của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 10. Đoàn kiểm soát chất lượng kiểm toán

1. Đoàn kiểm soát do Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định thành lập để thực hiện các cuộc kiểm soát trực tiếp, căn cứ đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ và yêu cầu quản lý hoạt động kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2. Cơ cấu tổ chức của Đoàn kiểm soát gồm: Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và các thành viên. Phó Trưởng đoàn chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn về nhiệm vụ được Trưởng đoàn phân công.

3. Trách nhiệm, quyền hạn của Trưởng đoàn và các thành viên Đoàn kiểm soát quy định tại Điều 22 và Điều 23 của Quy chế này.

Điều 11. Kế hoạch kiểm soát chất lượng kiểm toán năm

1. Vụ Chế độ căn cứ vào kế hoạch kiểm toán năm và yêu cầu đảm bảo chất lượng kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước đề lập, trình Tổng Kiểm toán Nhà nước kế hoạch kiểm soát năm.

2. Nội dung kế hoạch kiểm soát năm gồm:

a) Mục tiêu kiểm soát;

b) Đối tượng và phạm vi kiểm soát (các cuộc kiểm toán đã hoàn thành và phát hành báo cáo kiểm toán trong năm hiện hành hoặc năm trước);

c) Nội dung kiểm soát: các hoạt động chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán, lập và gửi báo cáo kiểm toán;

d) Hình thức kiểm soát: chỉ thực hiện hình thức kiểm soát gián tiếp;

đ) Danh sách các cuộc kiểm soát và địa điểm kiểm soát;

e) Thời gian hoàn thành cuộc kiểm soát và phát hành báo cáo kiểm soát.

3. Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định kế hoạch kiểm soát năm.

Điều 12. Kiểm soát chất lượng kiểm toán đột xuất

1. Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định về mục tiêu, đối tượng, phạm vi, nội dung, hình thức, thời gian và địa điểm kiểm soát của cuộc kiểm soát đột xuất.

2. Vụ Chế độ lập kế hoạch và tổ chức thực hiện cuộc kiểm soát đột xuất.

Điều 13. Quy trình kiểm soát chất lượng kiểm toán gồm 4 giai đoạn

1. Chuẩn bị kiểm soát;

2. Thực hiện kiểm soát;

3. Lập và gửi báo cáo kiểm soát;

4. Kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm soát (chỉ áp dụng đối với cuộc kiểm soát đột xuất).

Điều 14. Mẫu biểu tài liệu làm việc và hồ sơ kiểm soát chất lượng kiểm toán

1. Mẫu biểu tài liệu làm việc trong kiểm soát được thực hiện theo quy định của Kiểm toán Nhà nước.

2. Hồ sơ kiểm soát được lập, quản lý, lưu trữ và sử dụng theo quy định của Kiểm toán Nhà nước về hồ sơ kiểm toán.

Chương 2

QUY TRÌNH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN

Điều 15. Chuẩn bị kiểm soát

1. Việc chuẩn bị kiểm soát do Đoàn kiểm soát (đối với cuộc kiểm soát trực tiếp) hoặc Phòng nghiệp vụ của Vụ Chế độ (đối với cuộc kiểm soát gián tiếp) thực hiện.

2. Trình tự thực hiện chuẩn bị kiểm soát:

a) Thu thập thông tin về cuộc kiểm toán;

b) Phân tích thông tin về cuộc kiểm toán;

c) Lập kế hoạch kiểm soát đối với cuộc kiểm toán; nội dung kế hoạch kiểm soát gồm: mục tiêu, nội dung, đối tượng, phạm vi, phương pháp, hình thức, địa điểm và thời gian kiểm soát.

3. Tổng Kiểm toán Nhà nước phê duyệt kế hoạch cuộc kiểm soát trực tiếp. Kế hoạch cuộc kiểm soát đột xuất, quyết định thành lập Đoàn kiểm soát và quyết định giao nhiệm vụ kiểm soát đột xuất được thông báo cho Đoàn kiểm toán, đơn vị chủ trì kiểm toán trước khi thực hiện kiểm soát.

4. Vụ trưởng Vụ Chế độ phê duyệt kế hoạch các cuộc kiểm soát thuộc kế hoạch kiểm soát năm; phân công Phòng nghiệp vụ, công chức của Vụ thực hiện cuộc kiểm soát gián tiếp.

Điều 16. Thực hiện kiểm soát

1. Trưởng đoàn kiểm soát lập, trình Vụ trưởng Vụ Chế độ phê duyệt chương trình kiểm soát của cuộc kiểm soát đột xuất. Chương trình kiểm soát cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung, phạm vi kiểm soát và phân công nhiệm vụ, bố trí thời gian thực hiện cho từng thành viên Đoàn kiểm soát phù hợp với việc tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán.

2. Thành viên của Đoàn kiểm soát (đối với cuộc kiểm soát trực tiếp) hoặc công chức được phân công kiểm soát (đối với cuộc kiểm soát gián tiếp) thực hiện việc kiểm soát theo kế hoạch, chương trình kiểm soát đã được phê duyệt, theo trình tự:

a) Thu thập tài liệu, thông tin về hoạt động kiểm toán;

b) Phân tích đánh giá các thông tin, tài liệu kiểm toán thu thập được;

c) Tổng hợp các phát hiện về các sai phạm, hạn chế của hoạt động kiểm toán và tổng hợp các bằng chứng kiểm soát;

d) Tìm hiểu nguyên nhân các sai phạm, hạn chế của hoạt động kiểm toán đã được phát hiện và xác định mức độ ảnh hưởng của các sai phạm, hạn chế đó đến chất lượng kiểm toán;

đ) Đánh giá chất lượng hoạt động kiểm toán trên cơ sở so sánh mức độ thực hiện công việc kiểm toán với tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng kiểm toán; đề xuất các kết luận về chất lượng kiểm toán;

e) Đề xuất các kiến nghị xử lý sai phạm và các biện pháp khắc phục những hạn chế trong hoạt động của cuộc kiểm toán.

3. Trưởng đoàn kiểm soát (hoặc Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Vụ Chế độ) thực hiện kiểm tra, soát xét lại các phần việc kiểm soát do thành viên của Đoàn kiểm soát (hoặc công chức thuộc Vụ Chế độ) thực hiện.

4. Trưởng đoàn kiểm soát lập biên bản kiểm soát và thông báo tại Tổ kiểm toán (thực hiện đối với cuộc kiểm soát trực tiếp). Nội dung biên bản kiểm soát như nội dung của báo cáo kiểm soát (quy định tại khoản 1, Điều 17 của Quy chế này), phù hợp với phạm vi thực hiện kiểm soát tại Tổ kiểm toán.

Điều 17. Lập và gửi báo cáo kiểm soát

1. Nội dung báo cáo kiểm soát gồm:

a) Căn cứ thực hiện cuộc kiểm soát; nội dung, hình thức, phạm vi, thời gian và địa điểm thực hiện kiểm soát;

b) Kết quả kiểm soát được phản ánh theo các mục tiêu, nội dung của cuộc kiểm soát;

c) Kết luận về chất lượng kiểm toán;

d) Kiến nghị xử lý sai phạm và các biện pháp khắc phục những hạn chế trong hoạt động của cuộc kiểm toán;

đ) Các phụ lục, gồm các tài liệu, bằng chứng kiểm soát, các phân tích của thành viên Đoàn kiểm soát hoặc của công chức được phân công kiểm soát, làm cơ sở cho các kết luận, kiến nghị kiểm soát.

2. Dự thảo báo cáo kiểm soát do Trưởng đoàn kiểm soát (đối với cuộc kiểm soát trực tiếp) hoặc Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Vụ Chế độ (đối với cuộc kiểm soát gián tiếp) lập.

3. Trình tự thực hiện việc lập báo cáo kiểm soát:

a) Tập hợp, soát xét lại các bằng chứng kiểm soát;

b) Tổng hợp kết quả kiểm soát;

c) Tổng hợp kết luận và các kiến nghị kiểm soát;

d) Lập và ký trình Vụ trưởng Vụ Chế độ dự thảo báo cáo kiểm soát.

4. Vụ trưởng Vụ Chế độ gửi dự thảo báo cáo kiểm soát cho Trưởng đoàn kiểm toán và thủ trưởng đơn vị chủ trì kiểm toán để lấy ý kiến trước khi phát hành báo cáo kiểm soát (đối với cuộc kiểm soát thuộc kế hoạch kiểm soát năm).

5. Vụ trưởng Vụ Chế độ kiểm tra, soát xét và ký báo cáo kiểm soát gửi Tổng Kiểm toán Nhà nước và đơn vị chủ trì kiểm toán.

6. Tổng Kiểm toán Nhà nước kết luận về chất lượng kiểm toán và kết luận về việc thực hiện kiến nghị kiểm soát.

Điều 18. Báo cáo trong quá trình thực hiện kiểm soát trực tiếp

1. Khi Đoàn kiểm soát phát hiện những dấu hiệu sai phạm nghiêm trọng về pháp luật, nguyên tắc, quy định trong tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán thì phải báo cáo bằng văn bản gửi Vụ trưởng Vụ Chế độ để báo cáo Tổng Kiểm toán Nhà nước có biện pháp kịp thời.

2. Đoàn kiểm soát phải lập và gửi các báo cáo kiểm soát đột xuất khác theo yêu cầu của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Điều 19. Kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm soát

1. Việc kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm soát được thực hiện với các cuộc kiểm soát đột xuất. Nội dung, hình thức, thời gian thực hiện kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm soát được thực hiện theo kết luận của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc thực hiện kiến nghị kiểm soát.

2. Trình tự thực hiện kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm soát:

a) Đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán lập báo cáo thực hiện kiến nghị kiểm soát gửi Tổng Kiểm toán Nhà nước, đồng gửi Vụ Chế độ và gửi các vụ chức năng có liên quan.

b) Kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm soát được thực hiện dưới các hình thức:

- Kiểm tra, đối chiếu giữa báo cáo về việc thực hiện kiến nghị kiểm soát do đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán lập với kết luận của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc thực hiện kiến nghị kiểm soát;

- Kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm soát tại hồ sơ cuộc kiểm toán.

c) Vụ Chế độ lập báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm soát gửi Tổng Kiểm toán Nhà nước, đồng gửi đơn vị chủ trì kiểm toán.

Điều 20. Thời gian gửi hồ sơ, tài liệu kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm soát chất lượng kiểm toán

1. Thời gian gửi hồ sơ kiểm toán

a) Đối với các cuộc kiểm soát thuộc kế hoạch kiểm soát năm, thủ trưởng đơn vị chủ trì kiểm toán phải gửi hồ sơ cuộc kiểm toán được kiểm soát theo yêu cầu của Vụ trưởng Vụ Chế độ; đối với các cuộc kiểm toán trong năm hiện hành, thời gian gửi hồ sơ cuộc kiểm toán chậm nhất sau 5 ngày, kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán;

b) Đối với các cuộc kiểm soát đột xuất dưới hình thức gián tiếp, Trưởng đoàn kiểm toán phải gửi hồ sơ, tài liệu kiểm toán cho Vụ Chế độ ngay sau khi nhận được quyết định kiểm soát đột xuất.

2. Thời gian phát hành báo cáo kiểm soát

Thời gian Vụ Chế độ phát hành báo cáo kiểm soát thực hiện theo quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước trong kế hoạch kiểm soát năm và trong quyết định kiểm soát đột xuất.

Chương 3

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN

Điều 21. Trách nhiệm và quyền hạn của Vụ trưởng Vụ Chế độ

1. Trách nhiệm của Vụ trưởng Vụ Chế độ:

- a) Xây dựng kế hoạch kiểm soát năm, trình Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định;
- b) Xây dựng kế hoạch cuộc kiểm soát đột xuất và dự kiến danh sách Đoàn kiểm soát (đối với cuộc kiểm soát trực tiếp), trình Tổng Kiểm toán Nhà nước quyết định;
- c) Tổ chức thực hiện các cuộc kiểm soát gián tiếp, đảm bảo tuân thủ Quy chế này và Quy chế làm việc của Vụ Chế độ;
- d) Chỉ đạo hoạt động kiểm soát trực tiếp của Đoàn kiểm soát;
- đ) Xem xét và giải quyết các ý kiến kiến nghị, bảo lưu của các thành viên của Đoàn kiểm soát (đối với cuộc kiểm soát trực tiếp) hoặc công chức thực hiện kiểm soát (đối với cuộc kiểm soát gián tiếp) trong phạm vi thẩm quyền;
- e) Kiểm tra, soát xét biên bản và báo cáo kiểm soát (đối với cuộc kiểm soát trực tiếp);

g) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm soát.

2. Quyền hạn của Vụ trưởng Vụ Chế độ:

a) Phân công nhiệm vụ cho Phòng nghiệp vụ và công chức của Vụ Chế độ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát;

b) Phê duyệt kế hoạch của các cuộc kiểm soát gián tiếp và chương trình kiểm soát của Đoàn kiểm soát;

c) Yêu cầu Trưởng đoàn kiểm toán, thủ trưởng đơn vị chủ trì kiểm toán cung cấp hồ sơ, tài liệu kiểm toán đầy đủ và kịp thời;

d) Thực hiện các biện pháp quản lý, điều hành hoạt động kiểm soát;

đ) Kiến nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước thay thế các thành viên Đoàn kiểm soát khi phát hiện các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật và của Kiểm toán Nhà nước;

e) Kiến nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước xử lý các vi phạm của Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên trong hoạt động kiểm toán;

g) Ký phát hành báo cáo kiểm soát;

h) Ký phát hành báo cáo kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm soát.

Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng đoàn kiểm soát chất lượng kiểm toán

1. Trách nhiệm của Trưởng đoàn kiểm soát:

a) Xây dựng chương trình kiểm soát, trình Vụ trưởng Vụ Chế độ phê duyệt;

b) Quản lý, điều hành hoạt động của Đoàn kiểm soát tuân thủ kế hoạch, chương trình kiểm soát, các quy định của pháp luật và của Kiểm toán Nhà nước;

c) Kiểm tra, soát xét kết quả công việc của thành viên Đoàn kiểm soát;

d) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả kiểm soát theo quy định;

đ) Lập biên bản kiểm soát tại Tổ kiểm toán;

e) Lập dự thảo báo cáo kiểm soát, trình Vụ trưởng Vụ Chế độ;

g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Vụ trưởng Vụ Chế độ, Tổng Kiểm toán Nhà nước về tính đúng đắn, trung thực, khách quan của kết luận, kiến nghị kiểm soát trong biên bản kiểm soát và trong báo cáo kiểm soát;

h) Chịu trách nhiệm giải trình các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Đoàn kiểm soát theo yêu cầu của Tổng Kiểm toán Nhà nước và Vụ trưởng Vụ Chế độ.

2. Quyền hạn của Trường đoàn kiểm soát:

a) Phân công nhiệm vụ cho Phó Trường đoàn kiểm soát và các thành viên Đoàn kiểm soát để thực hiện kế hoạch, chương trình kiểm soát;

b) Yêu cầu đơn vị chủ trì kiểm toán, Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán cung cấp thông tin, tài liệu và bố trí thời gian làm việc theo kế hoạch, chương trình kiểm soát;

c) Ký phê duyệt kết quả công việc của thành viên Đoàn kiểm soát;

d) Tham gia các cuộc họp giữa Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán với đơn vị được kiểm toán về các vấn đề liên quan đến nội dung thuộc phạm vi được phân công kiểm soát;

đ) Ký biên bản kiểm soát tại các Tổ kiểm toán;

e) Ký dự thảo báo cáo kiểm soát trình Vụ trưởng Vụ Chế độ;

g) Tạm đình chỉ và đề nghị Vụ trưởng Vụ Chế độ xử lý theo thẩm quyền đối với các thành viên Đoàn kiểm soát vi phạm Quy chế kiểm soát chất lượng kiểm toán và các quy định khác của Kiểm toán Nhà nước;

h) Kiến nghị thủ trưởng đơn vị chủ trì kiểm toán, Trường đoàn kiểm toán, Tổ trưởng kiểm toán về việc xử lý các sai phạm, hạn chế trong thực hiện hoạt động kiểm toán của Đoàn, Tổ kiểm toán;

i) Kiến nghị Vụ trưởng Vụ Chế độ đề nghị Tổng Kiểm toán Nhà nước xử lý các vi phạm nghiêm trọng về pháp luật và các quy định của Kiểm toán Nhà nước đối với các thành viên Đoàn kiểm toán.

Điều 23. Trách nhiệm và quyền hạn của thành viên Đoàn kiểm soát chất lượng kiểm toán

1. Trách nhiệm của thành viên Đoàn kiểm soát:

a) Hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo sự phân công của Trường đoàn kiểm soát;

b) Tuân thủ pháp luật, Quy chế kiểm soát chất lượng kiểm toán và các quy định khác của Kiểm toán Nhà nước;

c) Thu thập và đánh giá các tài liệu và tình hình thực hiện hoạt động kiểm toán làm cơ sở đưa ra các bằng chứng và các phát hiện kiểm soát; ghi chép, quản lý, lưu trữ đầy đủ, đúng đắn các tài liệu kiểm soát theo quy định của Kiểm toán Nhà nước;

d) Báo cáo kết quả công việc được phân công theo quy định;

đ) Chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, trung thực, khách quan của kết quả kiểm soát; của những đánh giá, kết luận, kiến nghị kiểm soát thuộc phạm vi kiểm soát được phân công;

e) Chấp hành ý kiến chỉ đạo của Trưởng đoàn kiểm soát, Vụ trưởng Vụ Chế độ và kỷ luật của Đoàn kiểm soát.

2. Quyền hạn của thành viên Đoàn kiểm soát:

a) Thực hiện quyền độc lập, tuân thủ pháp luật và các quy định của Kiểm toán Nhà nước trong thực hiện kiểm soát và trong thực hiện kiểm tra việc thực hiện kiến nghị kiểm soát theo nội dung kiểm soát được phân công;

b) Yêu cầu Đoàn kiểm toán cung cấp thông tin, tài liệu, bố trí thời gian làm việc và giải trình về những vấn đề thuộc phạm vi kiểm soát được phân công;

c) Tham gia các cuộc họp giữa Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán với đơn vị được kiểm toán về các vấn đề liên quan đến nội dung thuộc phạm vi được phân công kiểm soát;

d) Đưa ra các ý kiến kết luận, kiến nghị kiểm soát trong phạm vi được phân công kiểm soát;

đ) Yêu cầu Trưởng đoàn kiểm soát làm rõ các lý do thay đổi kết quả kiểm soát, các kết luận, kiến nghị kiểm soát của mình trong báo cáo kiểm soát;

e) Bảo lưu ý kiến về kết quả kiểm soát, các kết luận và kiến nghị kiểm soát khác với các kết luận, kiến nghị trong báo cáo kiểm soát;

g) Được đảm bảo các điều kiện và phương tiện cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát;

h) Được pháp luật bảo vệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát.

Điều 24. Trách nhiệm và quyền hạn của thủ trưởng đơn vị chủ trì kiểm toán

1. Trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị chủ trì kiểm toán:

a) Tổ chức, chỉ đạo việc phối hợp giữa đơn vị, Đoàn kiểm toán với Đoàn kiểm soát trong thực hiện cuộc kiểm soát;

b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời các hồ sơ, tài liệu kiểm toán theo yêu cầu của Vụ trưởng Vụ Chế độ đối với cuộc kiểm soát gián tiếp;

c) Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin cần thiết, tài liệu về việc quản lý, chỉ đạo Đoàn kiểm toán theo yêu cầu của Trưởng đoàn kiểm soát;

d) Thực hiện, chỉ đạo đơn vị và Đoàn kiểm toán thực hiện các kiến nghị kiểm soát theo kết luận của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

đ) Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm soát theo kết luận của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

2. Quyền hạn của thủ trưởng đơn vị chủ trì kiểm toán:

- a) Kiến nghị với Vụ trưởng Vụ Chế độ, Tổng Kiểm toán Nhà nước xử lý các vi phạm của các thành viên Đoàn kiểm soát;
- b) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu, từ chối làm việc với Đoàn kiểm soát về những nội dung không thuộc phạm vi kế hoạch, chương trình kiểm soát;
- c) Kiến nghị với Tổng Kiểm toán Nhà nước về kết luận, kiến nghị kiểm soát, nếu có căn cứ về sự không đúng đắn, trung thực, khách quan của các kết luận, kiến nghị trong báo cáo kiểm soát của Vụ Chế độ.

Điều 25. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng đoàn kiểm toán

1. Trách nhiệm của Trưởng đoàn kiểm toán:

- a) Chấp hành quyết định, kế hoạch kiểm soát;
- b) Thực hiện và chỉ đạo thực hiện việc phối hợp giữa Đoàn kiểm toán với Đoàn kiểm soát trong thực hiện cuộc kiểm soát;
- c) Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cho Đoàn kiểm soát theo kế hoạch, chương trình kiểm soát đối với các cuộc kiểm soát trực tiếp;
- d) Cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu kiểm toán cho Vụ Chế độ đối với các cuộc kiểm soát gián tiếp;
- đ) Giải trình các vấn đề liên quan đến hoạt động kiểm toán của Đoàn kiểm toán theo yêu cầu của Trưởng đoàn kiểm soát;
- e) Tổ chức thực hiện kiến nghị kiểm soát theo kết luận của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

2. Quyền hạn của Trưởng đoàn kiểm toán:

- a) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu; từ chối làm việc với Đoàn kiểm soát về những nội dung không thuộc phạm vi kế hoạch, chương trình kiểm soát đã được phê duyệt;
- b) Thảo luận, giải trình bằng văn bản về những vấn đề nêu trong dự thảo báo cáo kiểm soát nếu xét thấy chưa phù hợp;
- c) Đề nghị thủ trưởng đơn vị chủ trì kiểm toán kiến nghị với Vụ trưởng Vụ Chế độ, Tổng Kiểm toán Nhà nước xử lý các vi phạm của Trưởng đoàn kiểm soát và các thành viên Đoàn kiểm soát; đề nghị thay thế thành viên của Đoàn kiểm soát khi có bằng chứng về sự vi phạm pháp luật, vi phạm nguyên tắc kiểm soát làm ảnh hưởng đến tính trung thực, khách quan của kết quả và kết luận, kiến nghị kiểm soát;
- d) Chỉ đạo Đoàn kiểm toán thực hiện các kiến nghị kiểm soát theo kết luận của Tổng Kiểm toán Nhà nước;

đ) Chỉ đạo các Tổ kiểm toán thực hiện các kiến nghị kiểm soát trên cơ sở các kết luận, kiến nghị kiểm soát trong biên bản kiểm soát của Đoàn kiểm soát.

Điều 26. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ trưởng Tổ kiểm toán

1. Trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ kiểm toán:

a) Thực hiện và chỉ đạo thực hiện việc phối hợp giữa Tổ kiểm toán với Đoàn kiểm soát trong thực hiện hoạt động kiểm soát;

b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết thuộc nội dung công việc kiểm soát theo yêu cầu của Đoàn kiểm soát; bố trí thời gian làm việc với Đoàn kiểm soát;

c) Giải trình các vấn đề liên quan đến hoạt động kiểm toán của Tổ kiểm toán theo yêu cầu của Đoàn kiểm soát;

d) Ký biên bản kiểm soát tại Tổ kiểm toán do Đoàn kiểm soát lập;

đ) Thực hiện kiến nghị kiểm soát theo sự chỉ đạo của Trưởng đoàn kiểm toán.

2. Quyền hạn của Tổ trưởng Tổ kiểm toán:

a) Báo cáo Trưởng đoàn kiểm toán về các vi phạm của các thành viên Đoàn kiểm soát;

b) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu; từ chối làm việc với Đoàn kiểm soát về những nội dung không thuộc phạm vi kế hoạch, chương trình kiểm soát;

c) Thảo luận, giải trình bằng văn bản về những vấn đề nêu trong dự thảo biên bản kiểm soát nếu xét thấy chưa phù hợp;

d) Chỉ đạo Tổ kiểm toán thực hiện các kiến nghị kiểm soát theo sự chỉ đạo của Trưởng đoàn kiểm toán.

Điều 27. Trách nhiệm và quyền hạn của Kiểm toán viên và các thành viên khác của Đoàn kiểm toán

1. Trách nhiệm của Kiểm toán viên và các thành viên khác của Đoàn kiểm toán:

a) Phối hợp với các thành viên của Đoàn kiểm soát trong thực hiện hoạt động kiểm soát;

b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết thuộc nội dung công việc kiểm soát và bố trí thời gian làm việc theo yêu cầu của Đoàn kiểm soát;

c) Giải trình các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán theo yêu cầu của Đoàn kiểm soát;

d) Thực hiện các kiến nghị kiểm soát theo sự chỉ đạo của Tổ trưởng Tổ kiểm toán.

2. Quyền hạn của Kiểm toán viên và các thành viên khác của Đoàn kiểm toán:

a) Báo cáo Tổ trưởng Tổ kiểm toán về các vi phạm của các thành viên Đoàn kiểm soát;

b) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu; từ chối làm việc với Đoàn kiểm soát về những nội dung không thuộc phạm vi kế hoạch, chương trình kiểm soát;

c) Thảo luận, giải trình bằng văn bản về những vấn đề nêu trong dự thảo biên bản kiểm soát của Đoàn kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ kiểm toán được phân công, nếu xét thấy chưa phù hợp.

Chương 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Vụ trưởng Vụ Chế độ có trách nhiệm triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; tổ chức xây dựng, trình Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát:

a) Quy định về Hệ thống Tiêu chí và Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng kiểm toán;

b) Quy định về Thủ tục và Mẫu biểu tài liệu làm việc trong kiểm soát chất lượng kiểm toán.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Vụ Chế độ để tổng hợp, trình Tổng Kiểm toán Nhà nước xem xét, giải quyết.

Điều 29. Xử lý vi phạm

Mọi hành vi can thiệp trái pháp luật, cản trở, gây khó khăn cho hoạt động kiểm soát hoặc cố ý làm trái pháp luật, vi phạm các quy định của Quy chế này thì phải được xử lý nghiêm minh./.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Vương Đình Huệ